TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST
Ngày 10/6/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Thanh B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thùy D - sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T

(Tại phiên tòa vắng mặt anh B, chị D. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Thanh B trình bày: Anh và chị Phạm Thùy D kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh T vào ngày 13/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh tại thôn M, xã L. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng

8/2021 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn anh xin được ly hôn chị Phạm Thùy D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là: Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021. Ly hôn anh xin được nuôi con Trần Đức B1 để chị Phạm Thùy D nuôi con Trần Đức M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Năm 2017, anh và chị D đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12/5/2017. Ngày 29/9/2017, chị D sinh con Trần Đức B1 là con chung giữa anh và chị D. Ngày 13/8/2020, anh và chị D đăng ký kết hôn lại lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình chung sống, anh và chị D sinh thêm 01 con Trần Đức M. Anh xác định, anh và chị D có 02 con chung là Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021.

Hiện anh làm nghề bán thức ăn chăn nuôi, thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thùy D khai: Chị và anh Trần Thanh B kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 13/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là: Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000 đồng/01con/01 tháng. Hai con là 2.000.000 đồng/02con/01 tháng.

Năm 2017, chị và anh B đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12/5/2017. Ngày 29/9/2017, chị sinh con Trần Đức B1 là con chung giữa chị và anh B. Ngày 13/8/2020, chị và anh B đăng ký kết hôn lại lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình chung sống, chị và anh B sinh thêm 01 con Trần Đức M. Chị xác định chị và anh B có 02 con chung là Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021.

Hiện chị làm công nhân công ty giầy da ở xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - anh Trần Thanh B, bị đơn - chị Phạm Thùy D đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh B: Cho anh B được ly hôn chị D. Về con chung: Xử giao con chung Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, anh B và chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết về tài sản. Về án phí, anh Trần Thanh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị D có địa chỉ tại xã H, huyện Đ, tỉnh T căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn anh Trần Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh B kết hôn với chị D ngày 13/8/2020 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh B xin ly hôn, chị D đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thì năm 2017 anh B và chị D đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án. Ngày 13/8/2020, anh B và chị D đăng ký kết hôn lại lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Anh B xin ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn chị D. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B xử cho anh B được ly hôn chị D là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh B và chị D có 02 con chung là Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 và Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021. Ly hôn, anh B xin nuôi con Trần Đức B1 để chị D nuôi con Trần Đức M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị D xin nuôi hai con chung yêu cầu anh

B cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng; hai con là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án giao con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của anh B, chị D là chính đáng. Vì vậy cần giao con chung Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh B, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Trần Thanh B và chị Phạm Thùy D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]Về án phí: Anh Trần Thanh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh B và chị Phạm Thùy D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 ; Điều 271; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Thanh B được ly hôn chị Phạm Thùy D.

2. Về con chung: Xử giao con chung Trần Đức B1, sinh ngày 29/9/2017 cho anh Trần Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trần Đức M, sinh ngày 07/01/2021 cho chị Phạm Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Trần Thanh B và chị Phạm Thùy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Anh Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003010 ngày 15/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

.